

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống sốt xuất huyết năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Nguyễn Huyền Trang
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0968 508 280
- Địa chỉ email: trangnh@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc thông tin báo giá được đăng tải thành công đến trước 17 giờ 00 ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa

- Danh mục hàng hóa: Theo Phụ lục I đính kèm.
- Biểu mẫu báo giá để nhà cung cấp tham khảo: Theo Phụ lục II đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Võ Thị Sáu,
Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục I

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày /5/2025 của Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
1	Kit tách chiết RNA virus	Bộ kit tách chiết RNA virus từ mẫu dịch cơ thể như huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Hiệu suất thu hồi RNA virus hơn 90% Công nghệ màng silica phân lập RNA virus từ 20 - 40 phút Thành phần: 250 cột có gắn màng silica Dung dịch ly giải Ống thu thập (2 ml) Chất mang gắn kết với RNA Chất đệm rửa Dung dịch thu nhận acid nucleic không có RNase, chứa 0,04% Sodium Azide Yêu cầu quy cách đóng gói 50 test/hộp	Test	550
2	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thế hệ 3	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C Enzyme khuếch đại DNA sử dụng công nghệ "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA tổng số Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate, Rox reference Dye. Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl Yêu cầu quy cách đóng gói 100 test/hộp	Test	600
3	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	Độ tinh khiết: $\geq 99,9\%$ Điểm sôi: 78,3°C (1013 hPa) Tỷ trọng: 0,79 g/cm ³ (20 °C) Nhiệt độ nóng chảy: -114,5 °C Giá trị pH: 7,0 (10 g/l, H ₂ O, 20 °C) Áp suất hơi: 57,26 hPa (19,6 °C)	lít	4
4	Nước cất pha mix và primer	Dùng trong Sinh học phân tử Phương pháp tinh sạch: Hấp tiệt trùng, lọc qua màng lọc 0,1µm Không nhiễm DNase, RNase hoặc Protease pH 6-8	ml	295

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
5	Môi các loại	- Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Môi cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện	Nu	7.273
6	Đầu dò gắn huỳnh quang cho realtime RT – PCR các loại	Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Đầu dò cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Các kênh màu: FAM; HEX; VIC; ROX; JUN; CY5 - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện (Tối đa không quá 50 nu)	Ống	20
7	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM nồng độ glucose cao	Dung dịch nuôi cấy tế bào. Glucose: 4.500 mg/lit, Phenol Red 15 mg/L, L - Glutamine 584 mg/L, Sodium bicarbonate 3,7 g/L Không chứa: Sodium pyruvate, Hepes Yêu cầu quy cách đóng gói tối đa 500 ml/chai.	ml	3.000
8	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn Gram âm và Gram dương	ml	100
9	Cồn y tế 90 độ	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Nồng độ: Ethanol 90%	Lít	100
10	Dung dịch Javel	Hàm lượng Sodium hypochlorite (NaOCl): (10±2) %	Lít	2
11	Vật tư tiêu hao dùng cho máy DNA Primer 5M1 (Máy được tài trợ - không có mã kiểm kê)		Bộ	1
11.1	Dây 8 giếng cho ống PCR 0,2 mL kèm dây 8 nắp tương ứng	Chất liệu: Polypropylene, loại trong Không chứa RNase/DNase Hấp diệt trùng được (ở 121°C trong 20 phút) Yêu cầu quy cách đóng gói: 125 dây/hộp	Dây	375
11.2	Đĩa 96 giếng cho Realtime PCR 0,2 mL	Chất liệu bằng Polypropylene	Đĩa	50
12	Miếng dán cho đĩa Realtime PCR 96 giếng	Thích hợp cho đĩa phản ứng PCR 96 giếng hoặc 384 giếng Không chứa DNase, RNase, chất ức chế PCR Chất liệu nhựa Polypropylen	Miếng	100
13	Đầu côn có lọc 10µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	7.008
14	Đầu côn có lọc 100µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	5.088

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
15	Đầu côn có lọc 200 μ l	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	7.008
16	Đầu côn có lọc 1000 μ l	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	12.096
17	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	Hộp 81 vị trí (9x9) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Hộp	215
18	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Loại không tiệt trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích làm việc: 1,5ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/RNase Chịu được lực ly tâm tối đa 14.000 vòng/phút	Cái	29.500
19	Ống ly tâm 15ml	Chất liệu: polypropylene trong suốt, đáy nhọn, nắp vặn Đã tiệt trùng, có vạch chia thể tích Chịu được lực ly tâm đến 15.000 xg Không chứa DNase/RNase Nhiệt độ làm việc từ -20 đến 121 độ C	Cái	1.100
20	Pipet nhựa 30ml	Thể tích sử dụng: 30 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 2\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/Rnase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái	Cái	5
21	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2 ml nắp vặn	- Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng 2ml có nhãn viết - Chịu được nhiệt độ từ - 86 độ C đến 121 độ C - Chất liệu polypropylene; - Nắp vặn ngoài - Không chứa DNase, RNase	Cái	1.800
22	Găng tay nitrile không bột	Chất liệu: 100% nitrile Hàm lượng độ bột: Tối đa 2mg/găng Màu: Trắng hoặc xanh Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng	Đôi	3.600
23	Giá giữ lạnh cho tube 1,5 ml	Chất liệu polypropylene - Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu; - Hộp có đánh dấu dạng lưới; - Dải nhiệt độ: chịu được từ -90°C đến 121°C - Kích thước: 133*133*53(mm)	Cái	3

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
24	Bi thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 2mm	kg	5
25	Nhíp gấp inox	Chất liệu: inox	Cái	40
26	Giếng chuẩn không màu dùng cho phản ứng miễn dịch	Giếng nhựa tròn, trong, đáy bằng Thể tích làm việc 350 μ L Mỗi thanh 1 $\times$ 8 giếng Xử lý bề mặt MaxiSorp Phân tử đích: Kháng thể Yêu cầu quy cách đóng gói 640 thanh/thùng	Thanh	640
27	Lọc chân không 1000ml	Kiểu lọc: Hệ thống chân không Dung tích: 1000 mL Vật liệu màng: Polyethersulfone Kích thước lỗ màng: 0,22 μ m Diện tích màng: 33,2 cm ² Được gói riêng từng cái Đường kính cổ: 45 mm Đã được xử lý tiệt trùng	Cái	12
28	Ống siêu lọc ly tâm	Chất liệu: Ống polypropylene, Màng cellulose tái sinh Vỏ bằng styrene-butadiene Độ tinh khiết: Cấp độ 400 Thể tích mẫu 15 mL Không vô trùng Đường kính: 29,7 mm Kích thước lỗ lọc: 100 kDa MWCO Yêu cầu quy cách đóng gói 24 cái/hộp	Cái	24
29	Micropipette 8 kênh thể tích 30-300 μ L	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 0,2 μ L Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	2
30	Đầu côn không lọc có khóa 10 μ L	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	1.000
31	Đầu côn không lọc có khóa 200 μ L	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	1.000
32	Đầu côn không lọc có khóa 1000 μ L	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNase, RNase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	500
33	Ống nhựa hút vô trùng	Dung tích: 3ml Chiều dài: 162mm Chất liệu: Polyetylen (PE) Màu sắc: trong suốt	Cái	500

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Có vạch chia 0,5 mL trên ống Vô trùng: Tiệt trùng bằng bức xạ gamma Yêu cầu quy cách đóng gói 1 cái/túi 500 cái/hộp		
34	Găng tay không bột	- Nguyên liệu: cao su tự nhiên - Dùng được cho cả 2 tay, có viền cổ tay - Hàm lượng bột: ≤ 2 mg/găng tay - Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng	Đôi	500
35	Khẩu trang y tế 4 lớp	Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn	Cái	850
36	Môi trường skim milk	Dạng bột, thành phần: skim milk – Độ tinh khiết: ≥ 35 % – Lactose: 40 – 52 % – Ash (800°C): ≤ 10 % – Nước: ≤ 5.0 % – Acid tự do: ≤ 2 % Yêu cầu quy cách đóng gói 500g/hộp	gram	500
37	Hóa chất 1,4-diazobicyclo (2,2,2) octane	Công thức hóa học: $C_6 H_{12} N_2$ Dạng bột Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ Yêu cầu quy cách đóng gói 25g/chai	gram	25
38	Dung dịch kháng nấm Amphotericin B	Thành phần: 250 μ g amphotericin B và 205 μ g sodium deoxycholate Nồng độ 0,25 – 2,50 μ g/mL Đã được xử lý vô trùng	ml	50
39	Bàn cào tế bào	Chiều dài tay cầm của bàn cào: 28 cm Chiều dài lưỡi cào: 1,8 cm Chất liệu: nhựa Đã được xử lý vô trùng Dùng để tách tế bào khỏi mặt chai nuôi cấy Yêu cầu quy cách tối đa 100 cái/ hộp	Cái	100
40	Buồng đếm tế bào	Số giếng trên 1 phiên: 10 giếng Vật liệu: nhựa trong suốt quang học Mục đích: Sử dụng đếm tế bào/ hồng cầu dưới kính hiển vi Yêu cầu quy cách tối đa 100 cái/ hộp	Cái	100
41	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	Hình dạng chai: Hình chữ nhật Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt Phạm vi chia độ: 5-30 mL Diện tích bề mặt: 25 cm ² Thể tích nuôi: 5 - 7,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Đường kính nắp 20 mm Chất liệu nắp Polyethylene	Chai	500
42	Môi trường DMEM nồng độ glucose cao	Sử dụng trong nuôi cấy tế bào Đã được xử lý vô trùng Dạng bột Nồng độ glucose: 4.500 mg/L Không có Sodium Bicarbonat, Sodium Pyruvate, HEPES Không có nguồn gốc động vật	Hộp	1

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Có chứa: Glucose cao, L - Glutamine, Phenol red Yêu cầu quy cách đóng gói pha được 10 lít/hộp		
43	Dung dịch Hepes	Đệm hóa chất hữu cơ Zwitterionic Nồng độ: 1M Công thức: N-2-Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid Sử dụng pha môi trường nuôi cấy tế bào Dạng lỏng Giá trị pH 7,0 – 7,5 Đã được lọc vô trùng Lượng sử dụng khuyến cáo 10–25 mM	ml	100
44	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Thành phần: huyết thanh bào thai bê Mức nội độc tố ≤ 5 EU / mL Nồng độ Hemoglobin ≤ 15 mg/dL Đã được xử lý vô trùng Phương pháp khử trùng: tối thiểu ba lần lọc 0,1 μ m Dùng trong nuôi cấy tế bào	ml	500
45	Dung dịch L-Glutamine	Nồng độ: 200 mM, 100X Trong suốt, đã lọc vô trùng, không có Phenol red Giá trị pH: 5-6 Nồng độ tối ưu từ 2-6 mM	ml	100
46	Thuốc nhuộm Evans blue	Công thức hóa học: $C_{34}H_{24}N_6Na_4O_{14}S_4$ Dạng bột Dùng để nhuộm tế bào Hàm lượng thuốc nhuộm: $\geq 75\%$	gram	10
47	Lam kính 12 giếng phủ Teflon	Có 2 hàng giếng, mỗi hàng 6 giếng Mỗi giếng được đánh số vị trí Có vị trí phía trước để ghi số thứ tự/tên của lame Kích thước: 75mm x 25mm x 1mm Màu sắc: đen Yêu cầu quy cách đóng gói tối đa 72 miếng/hộp	Cái	216
48	Lamen	Kích thước: 22mm x 22mm Độ dày: 0,13mm – 0,17mm Vật liệu: thủy tinh	miếng	200
49	Lọc chân không 500ml	Kiểu lọc: Hệ thống chân không Dung tích: 500 mL Vật liệu màng: Polyethersulfone Kích thước lỗ màng: 0,22 μ m Diện tích màng: 33,2 cm ² Được gói riêng từng cái Đường kính cổ: 45 mm Đã được xử lý tiệt trùng	Cái	12
50	Dung dịch MEM Non-Essential Amino Acids	Nồng độ: 100X Dùng trong nuôi cấy tế bào Đã được lọc vô trùng Độ pH 0,9 Không có chỉ thị phenol đỏ Yêu cầu về quy cách đóng gói tối đa 100 ml/chai	ml	100

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
51	Cuộn Parafilm	Loại màng nhiệt nhựa dẻo, không thấm nước, hấp thụ ẩm cao Có thể căng dài hơn 200% chiều dài ban đầu Chịu được tối đa 48 giờ với nhiều chất như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm Kích thước 4"x125'	Cuộn	3
52	PBS (Phosphate-Buffered Saline) dạng viên	Một viên hòa tan trong 200 mL nước khử ion tạo ra dung dịch đệm photphat 0,01 M, kali clorua 0,0027 M và natri clorua 0,137 M	Viên	100
53	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn Gram âm và Gram dương	ml	100
54	Pipet nhựa 5ml	Thể tích sử dụng: 5 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 2\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/RNase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái	Cái	200
55	Pipet nhựa 10ml	Thể tích sử dụng: 10 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 2\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/Rnase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái	Cái	200
56	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	Nồng độ: 7,5% Loại sản phẩm: Bổ sung Đã được lọc vô trùng Giá trị pH: 8,3	ml	200
57	Dung dịch Sodium Pyruvate	Nồng độ: 100 mM Đã lọc vô trùng Sử dụng trong nuôi cấy tế bào Yêu cầu về quy cách đóng gói tối đa 100 ml/chai	ml	100
58	Dung dịch Trypan blue	Nồng độ: 0,4% Đã lọc vô trùng Màu sắc: Xanh lam Để sử dụng với Kính hiển vi Bản địa hóa tế bào phụ: Tế bào chết & Cytosol Hình thức: Chất lỏng	ml	100
59	Cồn y tế 70 độ	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Nồng độ: Ethanol 70%	Lít	60
60	Dung dịch DMSO	Độ tinh khiết $\geq 99\%$ Áp suất hóa hơi: 0,42 mmHg (20°C)	ml	100
61	Dung dịch NaOH 1N	Giá trị pH: 13,7 (H ₂ O, 20 °C) Tỷ trọng: 1,04 g/cm ³ (20 °C)	ml	500

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
62	Giấy đo pH	Dạng cuộn, có kèm bảng màu để so sánh Kích thước: dài 4,8 - 5 mét Khoảng đo pH: 1-14	Cuộn	1
63	Enzyme tổng hợp cDNA mạch đơn thể hệ 3	Dùng để tổng hợp cDNA chuỗi đầu tiên từ poly(A)+ tinh khiết hoặc RNA tổng số Có thể phát hiện các mục tiêu RNA từ 100 bp đến >12 kb và lượng nguyên liệu ban đầu có thể thay đổi từ 1 pg đến 5 µg tổng số RNA Tổng hợp cDNA ở nhiệt độ 42–55°C Tốc độ phản ứng: 50 phút Nhiệt độ phản ứng tối ưu: 50°C	Test	50
64	Enzyme khuếch đại DNA có độ chính xác cao	Là hỗn hợp enzyme khuếch đại DNA gồm DNA polymerase, muối, magie và dNTP để khuếch đại PCR. Độ chính xác cao hơn sáu lần so với Taq DNA polymerase Khuếch đại các đoạn lên tới 15 kb Nồng độ: 1,1 X	Test	120
65	Hóa chất vật tư tiêu hao dùng cho máy đo acid nucleic bằng phương pháp huỳnh quang (Máy do Viện sở hữu và đang sử dụng)		Bộ	1
65.1	Ống đo huỳnh quang	Làm bằng chất liệu polypropylene Thể tích ống 500 µL	Ống	500
65.2	Hóa chất đo nồng độ DNA sợi đôi bằng phương pháp huỳnh quang	- Đo DNA có nồng độ thấp, đề kháng với các tạp chất như muối, nucleotide tự do, ARN, chất tẩy rửa hoặc protein - DNA đầu vào dao động 0,005 – 120ng/uL - Phương pháp phát hiện: Huỳnh quang - Phạm vi phát hiện từ 0,1-120 ng - Bước sóng kích thích/phát xạ: 510/527 nm - Kích thước ống sử dụng: Ống PCR 0,5 mL thành mỏng, trong suốt. - Bộ kit bao gồm thuốc thử, dung dịch pha loãng và các mẫu chuẩn DNA nồng độ: 0 ng/µL và 10 ng/µL. - Quy cách đóng gói 100 mẫu/bộ	Test	100
66	Sinh phẩm, vật tư tiêu hao giải trình tự trên máy Nanopore (Máy do Viện sở hữu và đang sử dụng- MSKK: 1246516P50005)		Bộ	1
66.1	Đĩa giải trình tự	Chứa mạch cảm biến Chứa đầu đọc kép (R10.4.1) với độ chính xác trên 99%.	Cái	2
66.2	Hóa chất rửa và tái sử dụng đĩa giải trình tự	Thời gian chuẩn bị ≤ 60 phút Thành phần: - Wash mix (Dung dịch rửa) - Diluent (Dung dịch pha loãng) - Storage buffer (Dung dịch bảo quản) Yêu cầu về quy cách đóng gói 6 phản ứng/bộ	Bộ	1
66.3	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Chuẩn bị thư viện đơn giản và nhanh chóng, với mã vạch cho tối đa 96 mẫu gDNA. Thời gian chuẩn bị: 60 phút Yêu cầu đầu vào: 200 ng gDNA cho mỗi mẫu Yêu cầu PCR: Không Phân mảnh: Dựa trên transposase	Bộ	1

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
		Độ dài đọc: Phân phối ngẫu nhiên, phụ thuộc vào độ dài đoạn đầu vào Yêu cầu quy cách đóng gói: 12 phản ứng/bộ Mô-đun này tương thích với quy trình công việc của Oxford Nanopore Technologies.		
66.4	Hóa chất chạy Đĩa giải trình tự	Được sử dụng để kích hoạt các flow cell của MinION và GridION hoặc PromethION để thực hiện giải trình tự hoặc để tải thêm thư viện vào một flow cell trong quá trình thực hiện thí nghiệm giải trình tự. Thành phần: Dung dịch kích hoạt flowcell Flush(Flow Cell Flush) Dung dịch kích hoạt flowcell Tether (Flow Cell Tether) Yêu cầu về quy cách đóng gói 6 Phản ứng /bộ	Bộ	1
67	Dây 8 ống 0,1mL và nắp dùng cho PCR và realtime PCR	Dây gồm 8 ống 0,1ml và bao gồm nắp Chất liệu: Polypropylene, giềng trắng và nắp phẳng trong suốt Không chứa RNase/DNase và chất ức chế PCR Nắp được gắn ở 1 góc của ống	Dây	360
68	Enzyme Rnase I	- Là chế phẩm của E. coli ribonuclease I có tác dụng phân hủy RNA. - Enzyme phân hủy RNA thành hỗn hợp mononucleotide, dinucleotide và trinucleotide và không làm phân hủy DNA - Nồng độ 100U/ μ L - Độ tinh khiết >99% - Yêu cầu quy cách đóng gói 10.000U/hộp	Hộp	2
69	Enzyme TURBO DNase	- Có khả năng phân cắt DNA mạch kép một cách không đặc hiệu, để lại các oligodeoxynucleotide có đầu 5' phosphoryl hóa - Không chứa RNase và có nguồn gốc tái tổ hợp - Phân hủy DNA hiệu quả trong dung dịch chứa muối tới 0,25 M - Nồng độ 2 U/ μ L - Yêu cầu quy cách đóng gói 1000 U/hộp	Hộp	1
70	Enzyme Klenow Fragment, exo-	- Klenow Fragment, exo- là đoạn lớn của DNA polymerase I - Có hoạt tính polymerase 5'→3', nhưng không có hoạt tính exonuclease 3'→5' và 5'→3' của DNA Polymerase I - Tích hợp các nucleotide đã được biến đổi - Hoạt động hiệu quả trong các dung dịch đệm của enzyme giới hạn, PCR và RT - Nồng độ: 5 U/ μ L - Ứng dụng: Gắn nhãn DNA bằng phương pháp mồi ngẫu nhiên; Gắn nhãn bằng cách điền vào các đầu 5' nhô ra của DNA sợi đôi; Khuếch đại dịch chuyển sợi; Giải trình tự DNA bằng phương pháp Sanger - Yêu cầu quy cách đóng gói: 300 unit/hộp	Hộp	1

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
71	Enzyme Ribonuclease H	- Là enzyme được phân lập từ một chủng vi khuẩn E. coli biểu hiện quá mức gene tương ứng - Phân hủy RNA trong các phức RNA:DNA, tạo ra các sản phẩm có đầu 3' -hydroxyl và 5' -phosphate - Được sử dụng để phân hủy các RNA cụ thể khi DNA bổ sung đã lai hóa, ví dụ như loại bỏ đuôi poly(A) khỏi mRNA đã lai hóa với oligo(dT) - Nồng độ: 10 U/μL - Yêu cầu quy cách đóng gói: 200 U/hộp	Hộp	1
72	Kit tách chiết RNA vi rút	Bộ kit tách chiết RNA virus từ mẫu dịch cơ thể như huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Hiệu suất thu hồi RNA virus hơn 90% Công nghệ màng silica phân lập RNA virus từ 20 - 40 phút Thành phần: 250 cột có gắn màng silica Dung dịch ly giải Ống thu thập (2 ml) Chất mang gắn kết với RNA Chất đệm rửa Dung dịch thu nhận acid nucleic không có RNase, chứa 0,04% Sodium Azide Yêu cầu quy cách đóng gói 250 test/hộp	Test	2.250
73	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C Enzyme khuếch đại DNA sử dụng công nghệ "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1 μg RNA tổng số Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate, Rox reference Dye. Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 μl Yêu cầu quy cách đóng gói 500 test/bộ	Test	2.500
74	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR	Là dạng đĩa 96 giếng dùng cho phản ứng realtime PCR Chất liệu: polypropylene Cấu hình 8 X 12 Có số và chữ để nhận dạng hàng, cột Thể tích giếng 0,2ml Thể tích làm việc 0,1ml Không chứa DNase và Rnase	Cái	30
75	Miếng dán đĩa nhựa dùng trong realtime PCR	Dải nhiệt độ: -40 - 120 °C Ứng dụng thử nghiệm Real-time PCR Sử dụng chất keo siêu dính Kháng bay hơi và không dính keo thừa khi gỡ bỏ miếng dán Không chứa chất RNase, DNase, DNA, and PCR inhibitors	Cái	100
76	Viên sát trùng	Thành phần: Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50%	Viên	100

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	ĐVT	Số lượng
77	Thiết bị trợ pipet cầm tay	- Tốc độ bơm $\geq 6\text{ml/s}$ - Thời gian sử dụng pin lên đến 8 giờ liên tục. - Thời gian sạc đầy pin: 2 - 3 giờ - Pin có thể thay thế - Bộ sạc với giá treo tường và giá để bàn. Chỉ báo pin thấp để cảnh báo người dùng sạc thiết bị - Đầu hình nón có thể khử trùng để tránh nhiễm bẩn chéo. - Van an toàn và bộ lọc kị nước - Sử dụng cho pipette nhựa hoặc thủy tinh có thể tích từ 0,1ml đến 200ml	Cái	1
78	Micropipette 8 kênh thể tích 100-1200 μL	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 2μl Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	1
79	Pipet nhựa 3ml	Thể tích sử dụng: 3 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 2\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/RNase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái	Cái	50

Phụ lục II

BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ (ĐỂ NHÀ CUNG CẤP THAM KHẢO)

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày /5/2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	STT trong danh mục yêu cầu của Viện	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, nhãn hiệu, model, mã hàng	Hãng sản xuất ⁽³⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Năm sản xuất (nếu có) ⁽⁵⁾	Mã HS (nếu có) ⁽⁴⁾	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính (ghi theo yêu cầu báo giá của Viện)	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá có VAT ⁽⁸⁾ (VND)	Thành tiền có VAT ⁽¹¹⁾ (VND)	Mức thuế (ghi % thuế 5 hoặc 8 hoặc 10)
1		...											
2													
n		...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá đã bao gồm thuế tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước (nếu có).

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.